

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định dưới hình thức “Bản sao y bản chính” theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

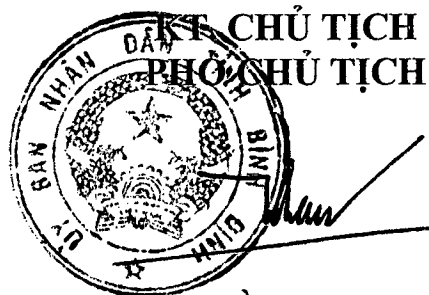
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 27 thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; môi trường (*Phụ lục 1 kèm theo*) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định dưới hình thức “Bản sao y bản chính” theo Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ 50 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 28/7/2009, Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của UBND tỉnh (*Phụ lục 2 kèm theo*).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

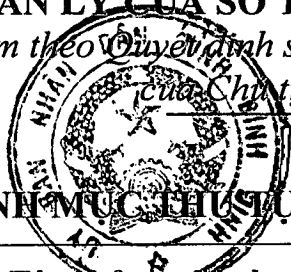
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo, TT Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.K2, K4.



Trần Châu

PHỤ LỤC 1
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1841 /QĐ-UBND ngày 27/5/2017
 của Chủ tịch UBND tỉnh)



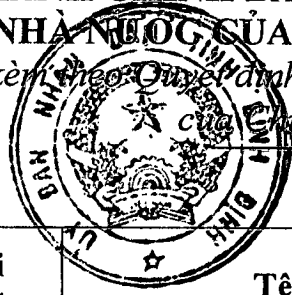
PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I. Lĩnh vực đất đai		
1	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Ủy ban nhân dân cấp huyện
3	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	Ủy ban nhân dân cấp huyện
4	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	Ủy ban nhân dân cấp huyện
5	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Ủy ban nhân dân cấp huyện
6	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Ủy ban nhân dân cấp huyện
7	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Ủy ban nhân dân cấp huyện
8	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	Ủy ban nhân dân cấp huyện

9	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người; đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	Ủy ban nhân dân cấp huyện
10	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Ủy ban nhân dân cấp huyện
11	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Ủy ban nhân dân cấp huyện
12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Ủy ban nhân dân cấp huyện
13	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Ủy ban nhân dân cấp huyện
14	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Ủy ban nhân dân cấp huyện
15	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Ủy ban nhân dân cấp huyện
16	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Ủy ban nhân dân cấp huyện
17	Hòa giải tranh chấp đất đai	Ủy ban nhân dân cấp xã

II. Lĩnh vực tài nguyên nước		
1	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất	Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện/xã đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp huyện/xã
III. Lĩnh vực môi trường		
1	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Ủy ban nhân dân cấp huyện
4	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Ủy ban nhân dân cấp huyện
5	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
6	Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
7	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Ủy ban nhân dân cấp xã
8	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Ủy ban nhân dân cấp xã

PHỤ LỤC 2
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẢO BẢO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ MỎNG CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 25/5/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Số seri TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I. Lĩnh vực môi trường			
1	T-BDI-150074-TT	Cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết Bảo vệ môi trường	Ban hành theo Quyết định 537/QĐ-UBND ngày 28/7/2009
2	T-BDI-150115-TT	Cấp giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của Đề án BVMT đã được xác nhận	nt
3	T-BDI-150130-TT	Cấp giấy xác nhận Đăng ký đề án bảo vệ môi trường	nt
II. Lĩnh vực khoáng sản			
1	T-BDI-150061-TT	Thống nhất địa điểm cấp phép khai thác khoáng sản	Ban hành theo Quyết định 537/QĐ-UBND ngày 28/7/2009
III. Lĩnh vực đất đai			
1	T-BDI-150770-TT	Cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất.	Ban hành theo Quyết định 537/QĐ-UBND ngày 28/7/2009
2	T-BDI-093210-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp có văn bản về việc chia tách QSD đất phù hợp với pháp luật với hộ gia đình hoặc nhóm người có QSD đất chung.	nt
3	T-BDI-093174-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp có quyết định hoặc bản án của TAND, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án	nt
4	T-BDI-	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho	nt

	093188-TT	người nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp có quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai	
5	T-BDI-093213-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp nhận quyền sử dụng đất do xử lý hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, kê biên bán đấu giá (QSDĐ)	nt
6	T-BDI-093241-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận QSD đất trong các trường hợp có kết quả hòa giải thành công về tranh chấp đất đai được UBND có thẩm quyền công nhận	nt
7	T-BDI-093253-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất sử dụng cho kinh tế trang trại.	nt
8	T-BDI-150788-TT	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	nt
9	T-BDI-093272-TT	Đăng ký biến động về sử dụng đất do đổi tên, giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên, thay đổi về quyền, thay đổi về nghĩa vụ tài chính.	nt
10	T-BDI-093291-TT	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất	nt
11	T-BDI-103807-TT	Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.	nt
12	T-BDI-103863-TT	Thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	nt
13	T-BDI-103870-TT	Tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	nt
14	T-BDI-103876-TT	Đăng ký thế chấp (bảo lãnh) bằng quyền sử dụng đất hoặc bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	nt
15	T-BDI-103887-TT	Xóa đăng ký thế chấp (bảo lãnh) bằng quyền sử dụng đất hoặc bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	nt
16	T-BDI-103894-TT	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp, bảo lãnh đã đăng ký	nt
17	T-BDI-103898-TT	Sửa chữa sai sót trong nội dung thế chấp, bảo lãnh đã đăng ký	nt

18	T-BDI-103903-TT	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp, bảo lãnh	nt
19	T-BDI-113093-TT	Chuyển đổi từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.	nt
20	T-BDI-149052-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép.	nt
21	T-BDI-149070-TT	Chuyển đổi QSD đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (theo nhu cầu)	nt
22	T-BDI-123206-TT	Cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài trúng đấu giá QSD đất, trúng đấu dự án có sử dụng đất.	nt
23	T-BDI-149074-TT	Giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình cá nhân tại nông thôn không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất.	nt
24	T-BDI-149112-TT	Giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình cá nhân theo diện tái định cư và gia đình thuộc diện chính sách.	nt
25	T-BDI-149131-TT	Giao đất trồng cây hàng năm, đất làm muối cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).	nt
26	T-BDI-149580-TT	Giao đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác	nt
27	T-BDI-149582-TT	Thuê đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác.	nt
28	T-BDI-149828-TT	Thu hồi đất theo khoản 3,4,5,6,9,10,11 và 12 Điều 38 Luật đất đai	nt
29	T-BDI-149832-TT	Thu hồi đất trong trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất.	nt
30	T-BDI-149839-TT	Thu hồi đất trong trường hợp Nhà nước sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế.	nt
31	T-BDI-149844-TT	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân theo chủ trương về "Đồn	nt

		điền đổi thửa”.	
32	T-BDI-149855-TT	Chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép	nt
33	T-BDI-149871-TT	Gia hạn thời gian sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất nông nghiệp	nt
34	T-BDI-149889-TT	Trường hợp tách thửa, hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất	nt
35	T-BDI-149903-TT	Thỏa thuận địa điểm	nt
36	T-BDI-149917-TT	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	nt
37	T-BDI-149987-TT	Đăng ký nhận quyền sử dụng đất do xử lý hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, góp vốn, kê biên đấu giá quyền sử dụng đất.	nt
38	T-BDI-149996-TT	Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	nt
39	T-BDI-150017-TT	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại QSD đất.	nt
40	T-BDI-150387-TT	Xác nhận Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất (có giấy tờ)	Ban hành theo Quyết định 536/QĐ-UBND ngày 28/7/2009
41	T-BDI-150400-TT	Xác nhận Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất (trường hợp không có giấy tờ)	nt
42	T-BDI-150732-TT	Xác nhận Đơn xin giao đất có rừng đối với cộng đồng dân cư.	nt
43	T-BDI-150716-TT	Xác nhận Đơn xin giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân.	nt
44	T-BDI-150738-TT	Xác nhận Đơn xin thuê đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân.	nt
45	T-BDI-150701-TT	Xác nhận Đơn xin giao đất làm nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân.	nt

46	T-BDI-150748-TT	Đơn xin xác nhận nhà ở để làm thủ tục đăng ký nhân, hộ khẩu	nt
----	-----------------	---	----